

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/DS-PT

Ngày 08-01-2024

V/v tranh chấp kiện đòi tài sản
(quyền sử dụng đất và sở hữu nhà)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Trúc.

Các Thẩm phán: Ông Bùi Văn Tâm;
Ông Nguyễn Văn Tài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phước – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 431/2023/TLPT-DS ngày 01 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp kiện đòi tài sản (quyền sử dụng đất và sở hữu nhà)”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 66/2023/DS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 455/2023/QĐPT-DS ngày 30 tháng 11 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 558/2023/QĐ-PT ngày 14 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phan Châu T, sinh năm 1956; địa chỉ: số F, khu phố C, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1974; địa chỉ: số C, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 11/4/2023), có mặt.

- Bị đơn:

1. Ông Phan Châu T1, sinh năm 1978; địa chỉ: số F, khu phố C, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Minh H, sinh năm 1987; địa chỉ: số G Quốc lộ A, khu phố D, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thị Minh H: Ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1976; địa chỉ: số A Cách mạng tháng T, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền, (theo văn bản ủy quyền ngày 25/5/2023), có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1958; địa chỉ: số F, khu phố C, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Trần Thị Ngọc A, sinh năm 1960; địa chỉ: số B, khu phố H, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

2. Ông Vương Thanh T2, sinh năm 1969; địa chỉ: C, khu phố B, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn là bà Nguyễn Thị Minh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Năm 2017, ông Phan Châu T có lập hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (căn nhà cấp 3) của ông Nguyễn Tấn T3, sinh năm 1960, địa chỉ: số A, khu phố H, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Theo đó, ông T3 chuyển nhượng cho ông T thửa đất số 605, tờ bản đồ số 542, diện tích 134,6m² và căn nhà cấp 3 gắn liền với đất tọa lạc tại khu phố H, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương với giá chuyển nhượng 3.400.000.000 đồng (ba tỷ bốn trăm triệu đồng). Ông T đã thanh toán đủ tiền mua đất cho ông T3, ông T3 cũng đã giao nhà, đất cho ông T. Hiện nay nhà, đất này do ông T trực tiếp quản lý, sử dụng. Tuy nhiên, do lớn tuổi, đi lại khó khăn và không rành về thủ tục giấy tờ nên ông T có nhờ con trai là ông Phan Châu T1 thực hiện thủ tục chuyển nhượng tại Văn phòng C. Trên cơ sở hợp đồng chuyển nhượng, ngày 14/8/2017 ông T1 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 383864, số vào sổ cấp GCN: CS09790 đối với thửa đất số 605, tờ bản đồ số 542, diện tích 134,6m², tọa lạc tại khu phố H, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Từ khi chuyển nhượng đến nay, ông T là người trực tiếp quản lý sử dụng nhà, đất này. Ông T đã yêu cầu ông T1 cùng vợ là bà H thực hiện thủ tục sang tên nhà, đất trên cho ông T đứng tên nhưng ông T1, bà H không thực hiện, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông T. Nay ông Phan Châu T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Thuận An giải quyết buộc ông Phan Châu T1 và bà Nguyễn Thị Minh H phải thực hiện thủ tục sang tên, trả lại nhà đất để ông T đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 605, tờ bản đồ số 542, diện tích 134,6m², tọa lạc tại khu phố H, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

2. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phan Châu T1 trình bày:

Năm 2017, ông Phan Châu T (ba ruột ông T1) có lập hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (căn nhà cấp 3) của ông Nguyễn Tấn T3 để nhận chuyển nhượng thửa đất số 605, tờ bản đồ số 542, diện tích 134,6m² và căn nhà cấp 3 gắn liền với đất tọa lạc tại khu phố H, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương với giá chuyển nhượng 3.400.000.000 đồng. Số tiền chuyển nhượng là của ông T, việc giao nhận tiền cũng được vợ chồng ông T thực hiện cùng ông T3. Tại thời điểm nhận chuyển nhượng do lớn tuổi, đi lại khó khăn và không rành về thủ tục giấy tờ nên ông T có nhờ ông T1 thực hiện thủ tục chuyển nhượng tại Văn phòng C. Việc ký công chứng cũng chỉ có một mình ông T1 và sau này khi cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cũng cấp cho cá nhân ông T1. Đây là tài sản của ông Phan Châu T, không phải tài sản chung của vợ chồng ông T1, bà H. Hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng do ông T giữ, ông T1 và bà H có thời gian sống chung cùng vợ chồng ông T tại căn nhà này. Nay ông T yêu cầu trả lại quyền sử dụng đất này thì ông T1 đồng ý.

3. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thị Minh H trình bày:

Bà H không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì quyền sử dụng đất trên là tài sản chung của vợ chồng ông T1, bà H có được trong thời kỳ hôn nhân. Trước khi ly hôn, ông T1, bà H cùng sống chung tại căn nhà này cùng cha mẹ chồng (tức vợ chồng ông T). Trường hợp ông T1 chứng minh được đây là tài sản riêng của ông T1 thì ông T1 mới có quyền quyết định trả lại cho ông T. Bà H xác định đây là tài sản chung của vợ chồng nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T vì không liên quan đến ông T.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị P có văn bản trình bày ý kiến:

Bà P là vợ của ông Phan Châu T và là mẹ của ông Phan Châu Thạch . Tháng 02/2017, ông T có mua đất và tài sản gắn liền với đất (căn nhà cấp 3) của vợ chồng ông Nguyễn Tấn T3 và bà Trần Thị Ngọc A, theo hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 23/02/2017, đối với thửa đất số 605, tờ bản đồ số 542, diện tích 134,6m² và căn nhà cấp 3 gắn liền với đất, tọa lạc tại khu phố H, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương với giá chuyển nhượng 3.400.000.000 đồng. Ông T đã thanh toán đủ tiền mua đất cho ông T3, bà A, ông T3, bà A cũng đã giao nhà, đất cho ông T. Hiện nay nhà, đất này do ông T trực tiếp quản lý, sử dụng. Do lớn tuổi, đi lại khó khăn, không rành về thủ tục giấy tờ nên ông T có nhờ con trai là Phan Châu T1 đứng tên thay ông T trên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất ông T mua của ông T3, bà A (ông T và ông T1 có lập văn bản thỏa thuận về việc ông T1 đứng tên thay ông T nhà đất mà ông T mua của ông T3, bà A). Ông T1 đã thay mặt ông T đứng tên trên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Văn phòng C và thực hiện các thủ tục đăng ký biến động để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông T1 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 383864, sổ vào sổ cấp GCN: CS09790 ngày 14/8/2017. Bà A xác định: ông Phan Châu T là người trực tiếp đứng ra giao dịch mua bán chuyển nhượng nhà đất trên với ông Nguyễn Văn T4, bà Trần Thị Ngọc A và là người trực tiếp thanh toán tiền cho ông T4, bà A. Ông Phan Châu T1 không phải là người đứng ra mua bán nhà đất với ông T4, bà A và không thanh toán tiền mua nhà đất cho ông T4, bà A. Bà P thống nhất yêu cầu khởi kiện của ông T, không có yêu cầu độc lập và có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 66/2023/DS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Châu T về việc tranh chấp kiện đòi tài sản (quyền sử dụng đất và sở hữu nhà) đối với bị đơn ông Phan Châu T1 và bà Nguyễn Thị Minh H.

Ông Phan Châu T1, bà Nguyễn Thị Minh H có trách nhiệm trả lại cho ông Phan Châu T quyền sử dụng đất cùng tài sản gắn liền đất thuộc thửa đất số 605, tờ bản đồ số 542, diện tích 134,6m² đất tọa lạc tại khu phố H, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền đất số CH 383864, sổ vào sổ CS 09790 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 14/8/2017 cho ông Phan Châu Thạch .

Ông Phan Châu T có trách nhiệm liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo nội dung Quyết định của bản án.

(có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phan Châu T1 và bà Nguyễn Thị Minh H liên đới nộp án phí với số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Ông Phan Châu T được miễn án phí.

3. Chi phí tố tụng: Ông Phan Châu T1 và bà Nguyễn Thị Minh H liên đới nộp số tiền 3.504.842 đồng (ba triệu năm trăm lẻ bốn nghìn tám trăm bốn mươi hai đồng) để trả lại cho ông Phan Châu T đã nộp trước đây.

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyền kháng cáo, trách nhiệm thi hành án.

Ngày 08/9/2023, bị đơn là bà Nguyễn Thị Minh H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án để Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xác định nhà, đất tranh chấp là tài sản của vợ chồng nguyên đơn, ông T1 chỉ đứng tên giúp và có thời gian cùng vợ chồng ông T ở trên đất nhưng ông T1 và bà H không có công sức đóng góp gì đối với nhà, đất. Từ thời điểm nhận chuyển nhượng nhà, đất cho đến nay thì vợ chồng ông T vẫn là người quản lý, sử dụng nhà, đất tranh chấp.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Minh H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Người đại diện hợp pháp của bà H xác định Tòa án cấp sơ thẩm bỏ qua bước tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; chứng cứ ông T đưa không hợp pháp do là giấy viết tay giữa ông T và ông T1, không có người làm chứng, không có ý kiến hay thỏa thuận tài sản riêng của bà H, không được xác nhận chữ ký tại cơ quan có thẩm quyền để chứng minh thời gian, địa điểm và người ký, không được giám định chữ ký, tuổi mực; Tòa án đánh giá, nhận định chứng cứ và áp dụng không đúng quy định của pháp luật về tài sản chung của vợ chồng xác lập trong thời kỳ hôn nhân; toàn bộ hồ sơ pháp lý về giao dịch mua bán chuyển nhượng nhà, đất, cấp đổi chủ quyền mới đều đứng tên ông Phan Châu T1, không liên quan đến ông Phan Châu T. Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ không khách quan, thu thập chứng cứ không đầy đủ, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà H nên yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện cho rằng tài sản tranh chấp là của nguyên đơn, nhờ bị đơn (ông T1 là con ruột) đứng tên dùm. Ông T1 đồng ý trả lại nhà, đất cho nguyên đơn nhưng bà H không đồng ý mà bà H xác định tài sản tranh chấp là tài sản chung của bà H và ông T1 tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cung cấp chứng cứ chứng minh được việc nguyên đơn trực tiếp giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Nguyễn Tân T3, bà Trần Thị Ngọc A và việc thanh toán tiền chuyển nhượng, nhờ ông T1 đứng tên dùm. Bà H không có chứng cứ chứng minh giao dịch chuyển nhượng nhà, đất của ông T1 hay chứng cứ xác thực tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân giữa ông T1 và bà H. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Bị đơn kháng cáo nhưng không có chứng cứ chứng minh kháng cáo của mình nên không có cơ sở chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ngày 08/9/2023, bị đơn là bà Nguyễn Thị Minh H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm là kháng cáo trong hạn luật định.

Bị đơn ông Phan Châu T1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị P, người làm chứng ông Vương Thanh T2, bà Trần Thị Ngọc A có

yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự nêu trên.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn là bà Nguyễn Thị Minh H:

[2.1] Nguyên đơn ông Phan Châu T khởi kiện bị đơn ông Phan Châu T1 và bà Nguyễn Thị Minh H yêu cầu trả lại nhà, đất thuộc thửa đất số 605, tờ bản đồ số 542 tọa lạc tại khu phố H, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương do ông T có nhờ con ruột là ông Phan Châu T1 đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 383864, số vào sổ cấp GCN: CS09790 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 14/8/2017.

Ông Phan Châu T1 (là con ruột ông Phan Châu T) đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và xác định nhà, đất thuộc thửa đất số 605, tờ bản đồ số 542 tọa lạc tại khu phố H, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương là tài sản của ông T, ông T1 chỉ đứng tên dùm ông T trên hợp đồng chuyển nhượng và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

Bà Nguyễn Thị Minh H (là vợ của ông T1; kết hôn năm 2013 và đã ly hôn ngày 26/4/2023) không đồng ý với yêu cầu khởi kiện nguyên đơn, bà H xác định nhà, đất thuộc thửa đất số 605, tờ bản đồ số 542 tọa lạc tại khu phố H, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương là tài sản chung vợ chồng được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, khi giải quyết ly hôn chưa giải quyết tài sản chung.

[2.2] Bà H cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm bỏ qua bước tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tuy nhiên tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện Tòa án tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo các Biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 30/5/2023 và ngày 09/8/2023 (bút lục 69-72 và 89-91) nên nội dung kháng cáo này của bà H không phù hợp.

[2.3] Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 23/02/2017 ký kết giữa bên chuyển nhượng là ông Nguyễn Tấn T3 và bên nhận chuyển nhượng là ông Phan Châu T để chuyển nhượng thửa đất số 605, tờ bản đồ số 54, tọa lạc tại khu phố H, phường L, giá chuyển nhượng 3.400.000.000 đồng, trên đất có nhà cấp III; về thanh toán: đợt 1: vào ngày 23/02/2017 bên nhận chuyển nhượng đặt cọc 1.400.000.000 đồng và đợt 2: ngay sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng tại Văn phòng công chứng thanh toán tiếp số tiền 1.950.000.000 đồng. Hợp đồng có chữ ký, họ tên ông Nguyễn Tấn T3, bà Trần Thị Ngọc A, ông Phan Châu T, người làm chứng: Vương Thanh T2 và ghi nội dung nhận đủ số tiền 3.400.000.000 đồng (bút lục 04 - 05).

Biên bản làm việc ngày 07/8/2023, bà Trần Thị Ngọc A thừa nhận bà A và ông Nguyễn Tấn T3 là người chuyển nhượng cho vợ chồng ông Phan Châu T nhà, đất tọa lạc tại khu phố H, phường L, thành phố T với giá 3.400.000.000 đồng. Ông T là người trực tiếp trả giá mua, vợ ông T (bà Nguyễn Thị P) là người giao tiền cọc là 1.400.000.000 đồng, hai bên có làm hợp đồng đặt cọc và người đặt cọc

là vợ ông T. Khi tiến hành ký hợp đồng chuyển nhượng, bà P là người trực tiếp thanh toán số tiền chuyển nhượng còn lại cho bà A và ông T3. Việc ông T, bà P chỉ định ai đứng tên trên hợp đồng hay đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà A không rõ. Bà A và ông T3 chỉ giao dịch với vợ chồng ông T và nhận tiền từ bà P. Bà A không biết con ông T (bút lục 60). Đồng thời, tại Biên bản làm việc ngày 14/8/2023, ông Vương Thanh T2 (ký với tư cách người làm chứng tại Hợp đồng đặt cọc ngày 23/02/2017) xác định ông T là người trực tiếp giao dịch chuyển nhượng nhà, đất với bà A, giá chuyển nhượng là 3.400.000.000 đồng, bà P là người trực tiếp giao tiền cọc 1.400.000.000 đồng. Ông T yêu cầu khi làm hợp đồng chuyển nhượng tại Văn phòng công chứng là để cho ông T1 đứng tên trên hợp đồng (bút lục 106).

Mặt khác, ông Phan Châu T1 thừa nhận nhà, đất thuộc thửa đất số 605, tờ bản đồ số 542 tọa lạc tại khu phố H, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương là tài sản của ông T nhờ ông T1 đứng tên dùm trên hợp đồng chuyển nhượng và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Lời khai của ông T1 phù hợp với lời khai của vợ chồng ông T, bà P, người chuyển nhượng quyền sử dụng đất bà Trần Thị Ngọc A và người làm chứng ông Vương Thanh T2.

Như vậy, có chứng cứ xác định ông T và bà P là người thực tế thỏa thuận chuyển nhượng và trả toàn bộ tiền để nhận chuyển nhượng tài sản, còn ông T1 chỉ là người đứng tên dùm là hoàn toàn phù hợp. Bà H không chứng minh được việc giao dịch chuyển nhượng với ông T3, bà A từ tài sản chung của vợ chồng hay thỏa thuận tài sản chung của vợ chồng nên không có cơ sở để xác định nhà, đất tranh chấp là tài sản chung được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân giữa ông T1 và bà H. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận sau khi nhận chuyển nhượng nhà, đất thì nhà, đất do vợ chồng ông T quản lý. Như vậy, ông T1 và bà H không chứng minh được việc trực tiếp quản lý hay có công sức đóng góp làm tăng giá trị tài sản và ông T1 là con ruột của ông T và bà P nên không có căn cứ xem xét công sức đóng góp cho ông T1 và bà H. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Châu T là phù hợp.

[2.4] Bị đơn bà Nguyễn Thị Minh H kháng cáo nhưng không chứng minh được kháng cáo của mình là có căn cứ nên kháng cáo không được chấp nhận.

[2.5] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa là phù hợp.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo phải chịu theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Minh H.
2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 66/2023/DS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.
3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Minh H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013034 ngày 14/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- TAND thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Trúc